TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2017/HN-ST
Ngày: 28-6-2017
V/v "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Công Tâm - Trung tâm dạy nghề huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly - Huyện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Chợ Lách.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017, về việc: "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn:

Anh Lê Thành Út E, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1971;

Đăng ký thường trú: ấp Ông Thung, xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Anh E có mặt; chị Q vắng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 01/6/2017 nguyên đơn anh Lê Thành Út E trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Q tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; do đó chị Q đã về quê mẹ ruột tại ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre sinh sống từ năm 2009 cho đến nay, cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau; từ đó anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với chị Q nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Q là vợ chồng.

Quá trình chung sống, anh và chị Q có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 02/3/1994 và Lê Thị Minh T, sinh ngày 21/01/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 01/6/2017, biên bản hòa giải ngày 01/6/2017 bị đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

Chị và anh Lê Thành Út E tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh E có người phụ nữ khác bên ngoài rồi chị và anh E thường xuyên cãi nhau, do đó chị thấy không thể tiếp tục sống chung với anh E được nữa nên đã về ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre sinh sống từ năm 2009 cho đến nay; từ đó chị và anh E không quan tâm đến cuộc sống của nhau, sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay.

Quá trình chung sống, chị và anh E có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 02/3/1994 và Lê Thị Minh T, sinh ngày 21/01/1999 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn chị Phạm Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q.

Về quan hệ hôn nhân: Anh E và chị Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ năm 1993 đến nay anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh E và chị Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo anh E và chị Q, quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh E và chị Q đã không quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay anh E xác định tình cảm không còn nên yêu cầu không công nhận anh với chị Q là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh E và chị Q thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ năm 2009 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh E và chị Q là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, hàn gắn lại tình cảm giữa hai người nhưng anh E vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Q là vợ chồng và chị Q cũng đồng ý không công nhận chị và anh E là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận anh E với chị Q là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2010/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 02/3/1994 và Lê Thị Minh T, sinh ngày 21/01/1999 đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh E và chị Q khai không có nên không xét đến.

Về án phí: Anh Lê Thành Út E phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Lê Thành Út E đối với chị Phạm Thị Q. Cụ thể tuyên:

Không công nhận anh Lê Thành Út E với chị Phạm Thị Q là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Lê Thành Út E với chị Phạm Thị Q có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 02/3/1994 và Lê Thị Minh T, sinh ngày 21/01/1999 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí: Anh Lê Thành Út E phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh E đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023486 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Anh E đã nộp đủ án phí.

Anh E có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Chí Hậu

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Chí Hậu

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Chí Hậu